

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2017/HSST

Ngày: 27/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Huê

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Liên đoàn lao động huyện Củ Chi

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 211/2017/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2017
đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Kiều D (B), sinh năm 1993; giới tính: nữ; nơi đăng ký
nhân khẩu thường trú: Khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Ấp
A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: không biết chữ;
nghề nghiệp: làm thuê; cha: Lê Hữu N (chết), mẹ: Huỳnh Thị X; anh chị em ruột
gồm có 08 người kể cả bị cáo; bị cáo có chồng là ông Trần Văn P và có 04
người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Ngày 08/6/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử
phạt 10 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/01/2017 chấp hành xong
hình phạt tù.

Nhân thân: Ngày 28/8/2013 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện
Bình Chánh khởi tố về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 31/8/2013 Công an huyện
Bình Chánh ra quyết định truy nã đối với D. Ngày 08/4/2015 D bị Phòng PC52
Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt theo quyết định truy nã số 57 ngày
31/8/2013. Ngày 08/4/2015 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình
Chánh ra quyết định phục hồi điều tra bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú
đối với D. Ngày 08/6/2015 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình
Chánh ban hành Quyết định số 13 về việc thay đổi quyết định khởi tố bị can đối
với D (từ tội: “Trộm cắp tài sản” sang tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm
tội mà có”) và cho D tại ngoại. Sau đó D bỏ trốn nên Công an huyện Bình
Chánh ra quyết định truy nã đối với D (Quyết định số: 35 ngày 30/7/2015).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị giam giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Thị H, sinh năm 1995; giới tính: nữ; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xã E, thành phố B, tỉnh Đă; Chỗ ở: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Trần Văn T (chết), mẹ: Nguyễn Thị H; anh chị em ruột không có; bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án: không.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị giam giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

Bà Nguyễn Thị Tuyết D, sinh năm 1971

Hộ khẩu thường trú: Số 809 Nguyễn Trãi, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Tuyết D vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 137/54 Phan Anh, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Kiều D và bị cáo Trần Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Kiều D và Trần Thị H là nhân viên bán quán cà phê và dọn dẹp nhà quán: “Sài Gòn phố” tại ấp An Hòa, xã An Phú, huyện Củ Chi do bà Nguyễn Thị Tuyết D làm chủ. Sáng ngày 14/8/2017, bà D không có nhà nên quán đóng cửa không bán thì H rủ D đi tìm chỗ khác làm vì ở đây lương thấp. H nói với D lấy số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) bà D đưa H trước đó để thối cho khách cùng với số tiền H bán cà phê ngày 13/7/2017 tổng cộng được 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để cả hai tiêu xài cá nhân. D đồng ý. Sau khi thu xếp đồ đạc xong, D đi lên quầy bán nước mở hộc tủ gỗ phát hiện bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen và 01 cọc tiền mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng) và 20.000đ (hai mươi nghìn đồng). D lấy điện thoại bỏ vào túi quần. D đưa cọc tiền cho H cất giữ. Tiếp đó, H phát hiện trong tủ gỗ lớn có 02 máy tính bảng hiệu OPPO màu trắng và hiệu Samsung màu đen nên D lấy bỏ vào trong túi nylon màu đỏ. Sau khi lấy tài sản trên xong, H và D cầm chìa khóa vào phòng ngủ (cửa phòng không khóa) mở két sắt. H cầm chìa khóa tra vào ổ khóa, còn D nắm tay khóa cửa két sắt cùng mở thì cánh cửa két bung ra. H và D cùng lục tìm tài sản thì phát hiện bên trong có 01 cọc tiền mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng) và một số nữ trang các loại cùng 01 đồng hồ đeo tay. D gom toàn bộ số tài sản có trong két sắt bỏ vào túi lưới nhựa màu trắng, sau đó bỏ vào túi xách màu hồng, còn H giữ túi nylon màu đỏ đựng máy tính bảng. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, D và H lấy số tài sản trên đi bộ ra đường Tỉnh lộ 15 đón xe buýt để vào hướng Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi đến khu vực chợ Phú Hòa Đông thì D và H xuống xe buýt để đi xe Honda ôm.

Khi cả hai đang đi bộ trước cổng trường cấp I, II Phú Hòa Đông để đón xe thì bà Nguyễn Thị X là chị ruột của bà D1 phát hiện nghi ngờ nên chặn lại kiểm tra phát hiện số tài sản trên nên gọi điện thoại cho bà D1 và đưa cả hai về Công an xã An Phú xử lý.

Ngày 10/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá số tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 105.231.000đ (một trăm lẻ năm triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số:192/CTr/VKS-HS ngày 17/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Lê Kiều D và bị cáo Trần Thị H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Kiều D và bị cáo Trần Thị H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và đề nghị:

- Đối với bị cáo D, đề nghị áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo D mức án tù từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Đối với bị cáo H, đề nghị áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo H mức án tù từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Về vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 02 máy tính bảng hiệu OPPO màu trắng và hiệu SAMSUNG màu đen; 01 đồng hồ đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng; 02 vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng; 01 vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 04 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Số tài sản trên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã trao trả cho chủ sở hữu nên không xét.

Phần dân sự, bị hại Nguyễn Thị Tuyết D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo D và bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vừa nêu và khai rằng: Sáng ngày 14/8/2017, do bà Nguyễn Thị Tuyết D không có nhà nên bị cáo D rủ bị cáo H trộm cắp tài sản của bà D1. Bị cáo D và bị cáo H đã chiếm đoạt của bà D1 tổng số tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 02 máy tính bảng hiệu OPPO màu trắng và hiệu SAMSUNG màu đen; 01 đồng hồ đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng; 02 vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng; 01 vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 chiếc

lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 04 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/8/2017, tại quán cà phê: “Sài Gòn Phố” thuộc ấp An Hòa, xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo D và bị cáo H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Tuyết D với tổng giá trị là 108.731.000đ (một trăm lẻ tám triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng).

Bằng hành vi trên, các bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do đó cần xử lý các bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới phát huy tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo D:

Xét thấy trong vụ án này, bị cáo D là người rủ bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà D1; bị cáo D có 01 tiền án về tội: “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bản thân bị cáo D bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh khởi tố về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và do bị cáo D bỏ trốn nên bị Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định truy nã (Quyết định số 35 ngày 30/7/2015). Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo D cao hơn bị cáo H.

Tuy nhiên xét thấy tại phiên tòa, bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo D.

- Đối với bị cáo H:

Xét thấy bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; tại phiên tòa, bị cáo H thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bà D1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 02 máy tính bảng hiệu OPPO màu trắng và hiệu SAMSUNG màu đen; 01 đồng hồ đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng; 02 vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng; 01 vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 04 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tất cả đã được trả cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét cần buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT NINH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Kiều D và bị cáo Trần Thị H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Lê Kiều D 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2017.

- Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự:

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo D phải nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo H phải nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

2. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- THA HS;
- Phòng PC53 Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương

